TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06-02-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hoàng Diễm My
Ông Võ Văn Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn C, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh G, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn C, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà C trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông G đăng ký kết hôn ngày 03/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H (Giấy chứng nhận kết hôn số 67 quyển số 01/2012). Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông G thường xuyên bạo hành, không có hạnh phúc. Vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay. Vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà C yêu cầu ly hôn ông G.

Về con chung: Có 02 con tên Phạm Trần Bảo T sinh ngày 04/11/2012 và Phạm Bích T1 sinh ngày 14/3/2019. Khi ly hôn bà C yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông G cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Thanh G không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của bà C, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định*: Việc nhận và xử lý đơn khởi kiện chưa thực hiện đúng qui định tại Điều 191 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án là đúng theo qui định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Vụ án đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo qui định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà C cho ly hôn với ông G, giao con chung cho bà C nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu cấp dưỡng cho con, về tài sản không yêu cầu nên không xem xét, bà C phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà C yêu cầu ly hôn ông G, yêu cầu giải quyết về con chung nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: Thôn C, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên theo khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Qua xác minh thì ông G có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã H tuy nhiên thường xuyên vắng mặt tại địa phương không rõ khi nào trở về. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định và cũng gửi qua bưu điện các văn bản tố tụng cho ông G theo địa chỉ do bà C cung cấp. Tuy nhiên, ông G không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không đến làm việc theo giấy triệu tập, thông báo, giấy báo của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của ông G liên quan đến yêu cầu của bà C được. Ông G không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Trong thời gian Tòa án giải quyết ly hôn, bà C và ông G không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, bà C vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn ông G. Có thể thấy, hôn nhân giữa bà C và ông G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà C ly hôn ông G.

[5] Về con chung: Cháu T, cháu T1 đang do bà C chăm sóc nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, bình thường và cháu T có nguyện vọng ở cùng mẹ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của các cháu, cần giao cháu T, cháu T1 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng cho con: Bà C tự nguyện không yêu cầu ông G cấp dưỡng cho con nên ghi nhận.

[7] Về tài sản: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị C. Cho ly hôn giữa bà Trần Thị C và ông Phạm Thanh G.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trần Bảo T sinh ngày 04/11/2012 và cháu Phạm Bích T1 sinh ngày 14/3/2019 cho bà Trần Thị C trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị C không yêu cầu ông Phạm Thanh G cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo qui định của pháp luật.

4. Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà C đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003110 ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định nên được khấu trừ, bà C đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hoàng